

CHÍNH SÁCH HỢP TÁC VỀ BIỂN CỦA VIỆT NAM TRONG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

NGUYỄN THANH MINH*

Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI được các nhà chiến lược trong và ngoài nước xem là “Thế kỷ của đại dương”, bởi cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và dân số hiện nay, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên không tái tạo được trên đất liền sẽ bị cạn kiệt sau vài ba thập kỷ tới. Trong bối cảnh đó, các quốc gia có biển, đặc biệt là các nước lớn đều vươn ra biển, xây dựng chiến lược biển, thực hiện đa dạng hoá các quan hệ hợp tác quốc tế về biển, đồng thời tăng cường tiềm lực mọi mặt để khai thác và khống chế biển.

Tiềm năng tài nguyên biển Việt Nam rất đáng kể và có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước cũng như trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Biển Đông trong đó có vùng biển Việt Nam chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên quan trọng, như dầu mỏ và khí đốt. Với một vùng biển rộng trải dài qua 16 vĩ tuyến, biển Việt Nam được đánh giá là một trong những vùng biển có mức độ đa dạng sinh học cao.

Những lợi thế cơ bản về vị trí, tiềm

năng biển trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá hợp tác quốc tế về biển để tranh thủ ngoại lực, phát huy tốt nội lực góp phần thúc đẩy kinh tế biển Việt Nam phát triển nhanh và bền vững.

1. Chính sách hợp tác quốc tế về biển của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Hợp tác quốc tế về biển hiện nay, phải đặt trong tổng thể Chiến lược, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược biển, phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam. Bởi vậy, hợp tác quốc tế về biển nhằm xây dựng vùng biển hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và tôn trọng pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực chung của luật pháp quốc tế [1].

Hợp tác quốc tế về biển đối với các quốc gia ven biển nói chung và Việt Nam nói riêng trong bối cảnh hiện nay, phải nhằm

* Ths. Nguyễn Thanh Minh, Cục Cảnh sát biển - Bộ Quốc phòng

phát huy tiềm năng, thế mạnh của quốc gia, khai thác biển có hiệu quả và phát triển bền vững biển, trong đó đặc biệt chú ý hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế, cùng bảo đảm an ninh chung và giải quyết tranh chấp trên biển. Đối với Việt Nam hợp tác quốc tế về biển để chủ động hội nhập, đưa vị thế của Việt Nam ngang tầm khu vực và quốc tế, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Việt Nam trong việc tham gia các tổ chức quốc tế và điều ước quốc tế.

Thực hiện hợp tác quốc tế về biển trong giai đoạn hiện nay, là nhằm góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2025. Mục tiêu nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, xuyên suốt của công tác đối ngoại về vùng biển và ven biển là xác lập chủ quyền đầy đủ, quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển và thềm lục địa, các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, phải quản lý, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển, đảo. Tăng cường duy trì hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển. Tiếp tục đàm phán với các nước có tranh chấp trên biển với Việt Nam, góp phần xây dựng vùng biển hoà bình, ổn định và hợp tác cùng phát triển.

Mở rộng hợp tác quốc tế và tăng cường quan hệ ngoại giao, đặc biệt với các nước lân cận Biển Đông và những nước có tiềm lực kinh tế, khoa học công nghệ mạnh về biển để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên

biển, phát triển kinh tế biển và vùng ven biển, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên biển bên cạnh việc bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển, đảm bảo an ninh, an toàn trên biển, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, thắt chặt tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước có biển trong khu vực, trên nguyên tắc giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia trên biển.

Hợp tác quốc tế về biển cũng nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài (các tổ chức tài chính - kinh tế quốc tế, nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài...) Để phát huy tốt hơn tiềm năng, thế mạnh của biển Việt Nam, nâng cao thu nhập, đời sống cho ngư dân ven biển, thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn. Xây dựng một số công trình kết cấu hạ tầng biển và ven biển trọng điểm (cảng biển, đường cao tốc ven biển, các khu kinh tế ven biển và đảo). Hình thành một số cơ sở dự báo thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ biển, xây dựng các cơ sở đào tạo nhân lực để phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển.

Nhiệm vụ cụ thể hợp tác quốc tế đối với ngành, lĩnh vực tiêu biểu là hợp tác trong lĩnh vực dầu khí. Quan điểm chủ đạo trong phát triển ngành dầu khí là bảo đảm an ninh năng lượng kết hợp với bảo vệ an ninh quốc gia, tăng cường khả năng phòng thủ trên biển. Phát triển đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái,

tiết kiệm năng lượng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Mục tiêu chiến lược của phát triển dầu khí là trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, thúc đẩy việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, dự trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong tìm kiếm thăm dò dầu khí, đặc biệt là hợp tác thăm dò ở các vùng nước sâu xa bờ thuộc vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, các vùng nhạy cảm về chủ quyền như vùng thuộc bể Phú Khánh, Tư Chính, thuộc nhóm bể Trường Sa, Vịnh Bắc Bộ nhằm sớm xác định trữ lượng dầu khí ở các khu vực này. Đồng thời thắt chặt mối quan hệ hợp tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí với các nước liên quan trong các khu vực chồng lấn thêm lục địa khi được Chính phủ cho phép.

Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế hàng hải: kinh tế vận tải biển, ngành vận tải biển cần tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu biển Việt Nam theo hướng trẻ hoá, hiện đại hoá và chuyên dụng hoá, đặc biệt là tàu container và tàu dầu để đến năm 2020 phấn đấu tổng trọng tải đạt 6-7 triệu DWT, năm 2015 trên 10 triệu DWT và đến năm 2020 trên 14 triệu DWT nhằm nâng cao sức cạnh tranh với các công ty vận tải biển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tham gia có hiệu quả thị trường vận tải biển trong khu vực và trên thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm bảo đảm hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để

đến năm 2015 đạt trên 25% và 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

Hợp tác trong lĩnh vực du lịch biển và kinh tế đảo: ngành du lịch biển cần phát huy tối đa ưu thế và nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác với bên ngoài để phát triển tổng hợp du lịch biển - núi - hải đảo (mà các vùng khác không có), nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch và du lịch cao cấp độc đáo, đặc thù theo từng vùng, miền, địa phương gắn với tài nguyên du lịch biển, đảo, có chất lượng và uy tín cao trên thị trường du lịch trong nước và khu vực Đông Nam Á.

Hình thành các trung tâm du lịch ven biển lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế ở các khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi trên cơ sở phát triển đa dạng các tuyến du lịch và các loại hình du lịch - thể thao - giải trí cả ở trên bờ, trên biển và trên các hải đảo. Gấp rút xây dựng cơ sở vật chất cho du lịch biển, đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại các cơ sở hạ tầng du lịch, nhất là những khu vực sẽ phát triển đô thị trong tương lai. Đảng và Nhà nước cần có chính sách mở cửa mạnh mẽ, tăng cường liên doanh liên kết nhằm thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước để nâng cấp, xây dựng thêm khách sạn ở các khu vực trọng điểm du lịch và các thành phố lớn ven biển. Phát triển hệ thống các điểm vui chơi giải trí ven biển và trên một số đảo. Đầu tư thích đáng cho việc tôn tạo, nâng cấp và quy hoạch lại các điểm di tích lịch sử, di tích cách mạng, các di sản văn hoá..., đảm bảo tiêu chuẩn của các điểm

du lịch tầm cỡ quốc tế.

Hợp tác trong lĩnh vực hải sản: tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các giống loài thủy sản quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, trong nghiên cứu ngư trường phục vụ quy hoạch phát triển các ngành, nghề thủy sản hiệu quả cao, bền vững. Nghiên cứu tham gia các Hiệp định nghề cá khu vực và thế giới.

Trong khai thác hải sản, gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan đến quyền, trách nhiệm khai thác hải sản ở các vùng biển, đại dương. Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao (nhập khẩu) các công nghệ tiên tiến khai thác hải sản có giá trị kinh tế cao, hợp tác với nước ngoài đầu tư công nghệ hiện đại để phát hiện ngư trường phục vụ trực tiếp cho việc đánh bắt có hiệu quả. Giảm thiểu đánh bắt ven bờ, tập trung đánh bắt xa bờ, đánh bắt ở vùng biển quốc tế theo hình thức tự lực hoặc liên doanh với các công ty nước ngoài.

Trong nuôi trồng và chế biến hải sản cần đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ trong nuôi trồng, chế biến và quản lý nhằm đưa ngành hải sản Việt Nam phát triển hoà nhập với sự phát triển chung của khu vực và thế giới. Tập trung nghiên cứu và đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật của thế giới và khu vực vào Việt Nam trong các lĩnh vực về sản xuất giống hải sản, công nghệ nuôi, dinh dưỡng động vật hải sản và xử lý môi trường nuôi, công nghệ tiên tiến về nuôi cá lồng biển khơi, công nghệ nuôi bè, giàn treo, dây leo

đối với các loài nhuyễn thể và rong biển. ứng dụng công nghệ vệ tinh và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc ra quyết định quản lý hoạt động nuôi trồng thủy hải sản ven biển Việt Nam. ưu tiên hợp tác nghiên cứu nuôi trồng dược liệu biển phục vụ chế biến dược liệu, ưu tiên khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chế biến sản phẩm thủy hải sản đem lại giá trị gia tăng cao.

Hợp tác trong lĩnh vực sản xuất muối biển: đầu tư phát triển theo chiều sâu, nghiên cứu tổ chức sản xuất muối bằng các dây chuyền công nghệ tiên tiến dưới hình thức các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh có trang bị kỹ thuật hiện đại nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo muối nguyên liệu cung cấp cho các ngành công nghiệp. Hình thành các khu vực sản xuất muối tập trung có công nghệ hiện đại để kết hợp khai thác muối biển chất lượng cao với việc thu hồi đồng thời các hoá phẩm khác trong nước biển, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành khai thác muối biển của Việt Nam.

Thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng một số khu công nghiệp hoá học biển bao gồm các xí nghiệp sản xuất xút, axit clohidric và các hoá chất cơ bản khác từ nguồn nguyên liệu muối biển có sản lượng lớn và chất lượng cao ở ven biển các tỉnh Đà Nẵng đến Sóc Trăng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp lớn trong tương lai.

Trong các lĩnh vực tiêu biểu trên, trong bối cảnh hội nhập hiện nay Việt Nam đang đẩy mạnh chính sách hợp tác quốc tế

về biển trên các lĩnh vực như phát triển Khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất, hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hợp tác bảo đảm an ninh, an toàn trên biển, hợp tác thăm dò tài nguyên và phát triển khoa học công nghệ biển, hợp tác xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội biển và vùng ven biển, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về biển, hợp tác đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực liên quan đến biển.

2. Bảo vệ chủ quyền và hợp tác quốc tế về biển - vai trò chiến lược biển Việt Nam

Hiện nay, Biển Đông là nơi đang tồn tại những mâu thuẫn kinh tế, chính trị của thế giới - một trong các “điểm nóng” của thế giới, tập trung những mặt đối lập, thuận lợi và khó khăn, hợp tác và đấu tranh, hoà bình và nguy cơ mất ổn định, dễ gây ra xung đột vũ trang. Một trong những vấn đề đó là tồn tại tranh chấp biển, đảo giữa các nước và vùng lãnh thổ xung quanh Biển Đông, tạo nên tranh chấp đa phương và song phương, chứa đựng các mâu thuẫn cả về quốc phòng, kinh tế và đối ngoại. Có lúc các tranh chấp này trở nên quyết liệt, là một trong những yếu tố gây bất ổn định khó lường.

Sự thay đổi chiến lược của các nước trên thế giới, nhất là các nước lớn và sự thay đổi căn bản cục diện ở Đông Nam Á, những tranh chấp trên biển và động thái mới nói trên đặt ra tình hình căng thẳng trên khu vực Biển Đông, đặt ra cho Việt Nam trước tình thế phải khẩn trương đổi

mới mạnh mẽ tư duy chiến lược trên nhiều bình diện khác nhau, trong đó có chiến lược quốc phòng - an ninh trên biển và chiến lược phát triển kinh tế biển...[2].

Vươn ra biển, khai thác và bảo vệ biển là sự lựa chọn có tính chất sống còn của dân tộc Việt Nam. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá X) đã ra Nghị quyết về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” nhằm nhanh chóng đưa Việt Nam trở thành một nước mạnh về biển, trong đó đề ra các mục tiêu và những giải pháp chiến lược xuất phát từ yêu cầu và điều kiện khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời kỳ hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Hiện nay, Việt Nam có quan hệ thương mại song phương với trên 100 nước, quan hệ đầu tư với trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, tham gia nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian tới, các hoạt động hợp tác song phương, đa phương diễn ra sẽ rộng lớn trong nhiều lĩnh vực cả về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong đó, hoạt động trên biển sẽ diễn ra với quy mô và cường độ lớn hơn, thuận lợi xen lẫn thách thức. Chủ trương của Đảng và Nhà nước là tích cực hợp tác và đấu tranh để thực hiện để thực hiện các cam kết quốc tế về biển. Đồng thời, kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo gắn với phát triển kinh tế biển, tạo môi trường thuận lợi để nước ta mở rộng quan hệ trao đổi khoa học kỹ thuật, đầu tư, đổi mới công nghệ, hiện đại hoá trang bị cho quốc phòng - an ninh. Tăng cường hiểu biết lẫn

nhau với các quốc gia thành viên trong khu vực và quốc tế..., với mục đích cao nhất là ổn định để phát triển đất nước, sử dụng biển tương xứng với tầm vóc của nó trong cơ cấu kinh tế cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Qua đó có thể khẳng định rằng, với vị trí, tiềm năng biển Việt Nam rất đa dạng và phong phú, đây là những lợi thế cơ bản để Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế về biển nhằm phát huy khai thác các thế mạnh đó với mục tiêu tổng quát đó là đến năm 2020 Việt Nam trở thành một trong những quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho đất nước giàu mạnh.

Xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, làm cho đất nước giàu mạnh từ biển, đảo, bảo vệ môi trường biển. Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53 - 55% tổng GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển. Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người cao gấp hai lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước. Xây dựng một số thương cảng quốc tế có tầm cỡ khu vực, hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh. Phát triển mạnh cả khai thác, chế biến sản phẩm từ biển và phát triển các ngành dịch vụ biển. Xây dựng một số khu vực kinh tế mạnh ở ven

biển, xây dựng cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp thống nhất về biển có hiệu lực, hiệu quả, mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về biển.

Để chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống, các cấp các ngành và chính quyền các địa phương ven biển có liên quan đến khai thác và bảo vệ biển cần có các chiến lược phát triển kinh tế biển của riêng mình trong chiến lược tổng thể của quốc gia. Trong đó cần có những giải pháp và bước đi phù hợp với điều kiện của địa phương và đất nước, đồng thời tranh thủ được vốn và kỹ thuật trong hợp tác quốc tế để vươn ra làm chủ biển khơi, phục vụ phát triển kinh tế biển nói riêng và kinh tế đất nước nói chung, bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững và ổn định lâu dài./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 80/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hợp tác quốc tế về biển, (năm 2008).
2. Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, (năm 2007).
3. Nguyễn Thanh Minh (2010), *Vị trí, tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác quốc tế về biển trong giai đoạn hiện nay*. Luận văn cao học, Hà Nội 4/ 2010
4. Phùng Ngọc Đĩnh (1999), *Tài nguyên Biển Đông Việt Nam*. Nxb Giáo Dục.
5. Vũ Văn Phái (2007), *Cơ sở địa lý tự nhiên biển và đại dương*. Nxb ĐHQGHN.
6. United Nations, 1992. *Report of the United Nations conference on Environment and Development* (Rio de Janeiro, 3 - 14 June 1992).